

Số: **162/2021/QĐST-HNGĐ**

Thành phố Huế, ngày 08 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 81/2021/TLST/HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trương Hoài P, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ 10, khu vực 4, phường H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Trần Thị N, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ 10, khu vực 4, phường H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Hoài P và chị Trần Thị N tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 22/10/2008.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hay gây gổ nhau, anh chị đã sống ly thân được khoảng 01 năm. Do mục đích hôn nhân không đạt, nên anh P và chị N tự nguyện thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Trương Hoài P và chị Trần Thị N xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Trương Khánh T, sinh ngày 27/6/2009 và Trương Hoài Chí T, sinh ngày 07/10/2013. Hai bên thỏa thuận giao hai cháu Trương Khánh T và Trương Hoài Chí T cho chị Trần Thị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị N tạm thời không yêu cầu anh Trương Hoài P cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Anh Trương Hoài P và chị Trần Thị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh Trương Hoài P và chị Trần Thị N cùng xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

[6] Về lệ phí Tòa án: Anh Trương Hoài P và chị Trần Thị N mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh P, chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002261 ngày 08/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Trương Hoài P và chị Trần Thị N đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Hoài P và chị Trần Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 2 cháu Trương Khánh T, sinh ngày 27/6/2009 và Trương Hoài Chí T, sinh ngày 07/10/2013 cho chị Trần Thị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị N tạm thời không yêu cầu anh Trương Hoài P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Trương Hoài P và chị Trần Thị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Trương Hoài P và chị Trần Thị N cùng xác nhận vợ chồng không nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trương Hoài P và chị Trần Thị N mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh P, chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002261 ngày 08/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Trương Hoài P và chị Trần Thị N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND TP Huế;
- UBND phường H, TP Huế;
- (ĐKKH số 64 ngày 22/10/2008)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huế